

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP VỚI HOẠT ĐỘNG CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TI CỔ PHẦN

ThS. NGUYỄN MINH HẰNG *

Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 3/6/2008 chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2009 đã đặt dấu ấn quan trọng trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm đáp ứng đòi hỏi thực tiễn phát sinh trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 ra đời là đòi hỏi tất yếu nhằm thống nhất các quy định giữa Luật thuế thu nhập doanh nghiệp với Luật thuế thu nhập cá nhân (cũng có hiệu lực từ ngày 01/01/2009) và Luật quản lý thuế. Bên cạnh những điểm mới quan trọng mà Luật thuế thu nhập doanh nghiệp đạt được như giới hạn lại đối tượng và phạm vi điều chỉnh về thu nhập chịu thuế, về các khoản chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế, về thuế suất, về cách xử lý với các trường hợp đang được hưởng ưu đãi thuế theo pháp luật hiện hành... Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 còn bỏ ngỏ những nội dung cần thiết liên quan đến việc xác định thu nhập chịu thuế, đặc biệt là các khoản thu nhập phát sinh khi các công ty cổ phần tiến hành chào bán cổ phiếu nhằm tăng vốn sở hữu chủ của doanh nghiệp, xác định các chi phí liên quan đến hoạt động chào bán cổ phiếu và những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với công ty cổ phần khi thực hiện chào bán

cổ phần. Đó cũng là nội dung được đề cập trong phạm vi bài viết này.

1. Thu nhập do chào bán cổ phiếu của công ty cổ phần với thuế thu nhập doanh nghiệp

Trong khoảng 2 năm trở lại đây, cùng với sự phát triển vượt bậc của thị trường chứng khoán Việt Nam, việc thành lập, mở rộng quy mô phát triển của các công ty cổ phần đang diễn ra liên tục và hoạt động chào bán cổ phiếu để tăng quy mô vốn sở hữu chủ là việc làm tất yếu. Việc chào bán cổ phiếu của công ty cổ phần là kênh huy động vốn tương đối hiệu quả nếu đặt trong tương quan so sánh với các kênh huy động vốn truyền thống khác như tín dụng ngân hàng, phát hành trái phiếu, tín dụng thương mại... Thông qua hành vi chào bán cổ phiếu, mối quan hệ giữa nhà đầu tư và tổ chức chào bán được thiết lập theo nguyên tắc nhà đầu tư cùng chia sẻ lợi nhuận với công ty tương ứng với số vốn mà họ bỏ ra và ngược lại, cùng gánh chịu rủi ro về khoản đầu tư trong trường hợp công ty làm ăn thua lỗ.

Theo Luật chứng khoán năm 2006, mệnh giá của cổ phiếu được xác định là mười nghìn đồng Việt Nam.⁽¹⁾ Điều này có nghĩa khi công ty cổ phần chào bán cổ phiếu thì giá

* Giảng viên Khoa pháp luật kinh tế
Trường Đại học Luật Hà Nội

trị được xác định cho mỗi đơn vị cổ phiếu là 10 nghìn đồng. Quyền lợi cổ đông được hưởng cũng theo đơn vị giá trị này (ví dụ như chia cổ tức bằng tiền mặt, chia cổ tức bằng cổ phiếu...). Tuy nhiên, trên thực tế rất ít nhà đầu tư có cơ hội được mua cổ phiếu với giá trị bằng mệnh giá vì pháp luật Việt Nam cho phép tổ chức chào bán có quyền xác định giá trị cổ phiếu trước khi chào bán.⁽²⁾ Với quy định hội đồng quản trị của công ty cổ phần có quyền xác định thời điểm, phương thức và giá cổ phần trước khi chào bán tại Luật doanh nghiệp năm 2005, các công ty cổ phần có cơ hội xác định giá trị thực của cổ phiếu công ty không phụ thuộc vào mệnh giá. Điều đáng bàn ở đây là sau khi công ty cổ phần đã hoàn tất đợt chào bán, họ sẽ sở hữu lượng giá trị thặng dư vốn bằng tiền mặt (cash pluss) được hình thành từ chênh lệch giữa mệnh giá và thị giá cổ phiếu trong đợt chào bán. Đây là thu nhập phát sinh không liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mà công ty được hưởng, giá chào bán cổ phiếu càng cao thì lượng giá trị thặng dư vốn càng lớn và trong nhiều trường hợp các công ty cổ phần đã huy động được lượng vốn không lồ thông qua hoạt động chào bán này. Có thể lấy một vài ví dụ điển hình qua thực tiễn chào bán cổ phần của các công ty cổ phần ở Việt Nam trong thời gian vừa qua. Công ty cổ phần Cơ điện lạnh thành phố Hồ Chí Minh tiến hành chào bán cổ phiếu REE theo phương thức chào giá cạnh tranh cho các nhà đầu tư lớn theo giấy chứng nhận đăng ký phát hành số: 77/UBCK-ĐKPH do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán nhà nước ký ngày 11/01/2007. Tổng

khối lượng cổ phiếu đưa ra chào bán là 4.450.590 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng. Giá chào mua bình quân là 204.934 đồng một cổ phiếu. Tổng giá trị cổ phiếu bán được 912.077.970.000 đồng.⁽³⁾ Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam (Bảo Việt) đã bán cổ phần cho hai cổ đông chiến lược là Tập đoàn bảo hiểm HSBC (thuộc Tập đoàn HSBC) và tập đoàn công nghiệp tàu thủy Việt Nam (Vinashin). HSBC Insurance sở hữu 10% vốn điều lệ của Bảo Việt. Lượng vốn mà HSBC Insurance đầu tư theo tỉ lệ trên là 4.121 tỉ đồng (tương đương với hơn 255 triệu USD). Vinashin là đối tác chiến lược trong nước của Bảo Việt với tỉ lệ sở hữu 3,56%, tương ứng với 20.400.000 cổ phần. Tổng giá trị đầu tư hơn 1.467 tỉ đồng (tương đương với hơn 90 triệu USD).⁽⁴⁾ Như vậy, các nhà đầu tư chiến lược đã mua cổ phần của Bảo Việt với giá bình quân là 194.000 đồng/cổ phần, theo đó, thu nhập phát sinh qua hoạt động chào bán cổ phiếu của các công ty nói trên (bằng hai phương thức chào bán khác nhau là chào bán riêng lẻ và chào bán ra công chúng) tương đối lớn so với tổng lượng vốn dự kiến huy động.

Vậy, các quy định về thuế đối với loại thu nhập này như thế nào?

Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành xác định thu nhập chịu thuế ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh như sau: "*Thu nhập chịu thuế khác bao gồm thu nhập từ chênh lệch mua, bán chứng khoán, quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản; thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất...*"⁽⁵⁾ Theo khái niệm này có thể hiểu chênh lệch do mua bán chứng khoán của doanh nghiệp dưới hai góc độ:

Thứ nhất, doanh nghiệp với tư cách là nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán, thực hiện các hành vi mua bán chứng khoán và phát sinh thu nhập chịu thuế. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng chưa làm rõ tư cách chủ thể của doanh nghiệp trong trường hợp này bằng những quy định cụ thể. Quy định này gây không ít khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi pháp luật. Giả định, doanh nghiệp với tư cách là tổ chức đầu tư chứng khoán, khi thực hiện các giao dịch thành công, họ đã phải trả khoản phí giao dịch cho công ti chứng khoán không phụ thuộc vào việc có lãi hay thua lỗ khi mua bán chứng khoán. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp quy định một trong những thu nhập thuộc diện chịu thuế của doanh nghiệp là thu nhập từ chênh lệch mua bán chứng khoán. Trên thực tế, chênh lệch này có thể là chênh lệch âm hoặc chênh lệch dương, trong trường hợp chênh lệch âm, căn cứ nào sẽ được xác định để tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp trong trường hợp này?

Thứ hai, doanh nghiệp với tư cách là tổ chức phát hành thực hiện hành vi chào bán chứng khoán, từ đó phát sinh thu nhập chịu thuế. Thu nhập này phát sinh do chênh lệch giữa mệnh giá với giá bán của cổ phiếu và tổ chức phát hành được hưởng hoàn toàn vì họ có quyền xác định giá chào bán cổ phần. Việc xác định thu nhập chịu thuế trong trường hợp trên là hợp lý. Tuy nhiên, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành không quy định những trường hợp cụ thể xác định thu nhập chịu thuế dẫn đến tình trạng nhiều công ti cổ

phần không nộp thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã chào bán cổ phần thành công và đã thu được giá trị thặng dư trên tổng vốn huy động (bao gồm cả việc chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược hoặc chào bán cổ phiếu rộng rãi ra công chúng).

Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 không xác định cụ thể thu nhập chịu thuế liên quan đến hoạt động mua bán chứng khoán. Thu nhập chịu thuế trong thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 được quy định như sau: *“Thu nhập khác bao gồm thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản; thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản...”*⁽⁶⁾

Nhìn chung, các chuyên gia cho rằng Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 cũng có cách xác định thu nhập chịu thuế giống như Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2003, tuy nhiên phần thu nhập khác trong thu nhập chịu thuế có một số bổ sung bao gồm: 1) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, quy định này có phạm vi rộng hơn quy định về thu nhập từ chênh lệch mua bán chứng khoán trước đây. Với quy định này, các thu nhập từ việc chuyển nhượng vốn khác không thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật chứng khoán cũng bị điều chỉnh như các trường hợp chuyển nhượng vốn theo Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư.⁽⁷⁾

Nếu nhận định rằng thu nhập từ chuyển nhượng vốn có phạm vi rộng hơn quy định về thu nhập từ chênh lệch mua bán chứng khoán là không hoàn toàn chính xác hay nói cách khác là chỉ đúng ở một vài khía cạnh nhất định. Xét ở góc độ doanh nghiệp đang sở

hữu lượng vốn nhất định của doanh nghiệp khác, có nhu cầu chuyển nhượng và chuyển nhượng vốn thành công, phát sinh thu nhập chịu thuế thì nhận định trên là đúng. Nhưng xét ở góc độ doanh nghiệp muốn mở rộng quy mô vốn bằng việc chào bán chứng khoán thì chúng tôi cho rằng đó không phải là hành vi chuyển nhượng vốn mà đó là hành vi huy động vốn đầu tư. Theo đó, hành vi chuyển nhượng vốn không có nghĩa rộng hơn hành vi mua bán chứng khoán, đặc biệt là trong trường hợp công ty chào bán cổ phiếu để tăng vốn chủ sở hữu của chính mình. Đây là hai hành vi hoàn toàn khác biệt về bản chất. Như vậy, hành vi chào bán cổ phiếu của công ty cổ phần nhằm huy động vốn nếu phát sinh thu nhập cho công ty cổ phần thì phần thu nhập này hoàn toàn chưa được đề cập trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008. Hệ quả là các công ty cổ phần chào bán cổ phiếu ra công chúng hoặc chào bán cổ phiếu cho các nhà đầu tư chiến lược với mức giá do công ty xác định cao hơn mệnh giá sẽ tạo ra lượng giá trị thặng dư vốn khá lớn tùy theo số lượng cổ phiếu và giá trị cổ phiếu được đưa ra chào bán, thu nhập này mặc nhiên được hiểu là không thuộc diện chịu thuế. Nên chăng, để tránh hiểu sai các quy định pháp luật và hiện tượng các doanh nghiệp “lách luật”, tránh thuế, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cần bổ sung loại thu nhập trên vào diện thu nhập chịu thuế.

2. Các chi phí liên quan đến hoạt động chào bán cổ phiếu của công ty cổ phần và việc thực thi Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008

Về các khoản chi phí được trừ và các

khoản chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế, một trong những điểm mới của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 là đã áp dụng nguyên tắc loại trừ khi xác định các khoản chi phí của doanh nghiệp. Các khoản chi phí chỉ cần đáp ứng đủ các điều kiện tại khoản 1 Điều 9 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và có đầy đủ hoá đơn chứng từ theo quy định. Ngược lại, các khoản chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cũng được quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 bao gồm 14 loại chi phí khác nhau. Các quy định này được đánh giá là phù hợp với thực tiễn, đề cao quyền tự chủ sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp chủ động đối chiếu, kê khai thuế theo các quy định của Luật quản lý thuế, pháp luật về kế toán, kiểm toán nhưng vẫn đảm bảo những nguyên tắc cơ bản và tính tuân thủ pháp luật.⁽⁸⁾ Mặt khác, quy định về chi phí như trên cũng tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và các cơ quan quản lý thuế trong quá trình thực thi Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tuy nhiên, có thể thấy rằng phần quy định về các chi phí được trừ trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 không có quy định nào đề cập những chi phí phát sinh khi doanh nghiệp thực hiện chào bán cổ phiếu. Trên thực tế, khi doanh nghiệp chào bán cổ phiếu, các chi phí để thực hiện hoạt động này khá lớn trong đó phải kể đến phí dịch vụ tư vấn phát hành, phí công bố thông tin, phí bảo lãnh phát hành (nếu doanh

ng nghiệp lựa chọn tổ chức bảo lãnh phát hành), phí kiểm toán, phí phân phối cổ phiếu... *Ví dụ:* Công ti cổ phần khu công nghiệp Tân Tạo đã chi cho hoạt động chào bán 20 triệu cổ phiếu ra công chúng là 5.260.927.500 đồng.⁽⁹⁾ Công ti cổ phần sách giáo dục tại thành phố Hà Nội khi chào bán cổ phiếu ra công chúng đã chi hết 187.743.350 đồng trong đó phí bảo lãnh phát hành là 127.743.350 đồng, chi tư vấn phát hành là 50.000.000 đồng.⁽¹⁰⁾ Qua một vài ví dụ có thể thấy chi phí thực hiện chào bán cổ phần mà doanh nghiệp phải bỏ ra là rất đáng kể. Nhưng những chi phí này không phải là chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp vì nó không phải là “khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp”.⁽¹¹⁾ Khoản chi này cũng không thuộc diện những chi phí không được trừ theo khoản 2 Điều 9 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008. Do đó, đây là những chi phí nằm ngoài phạm vi điều chỉnh của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Vậy, có thể hiểu theo hướng thứ nhất, những chi phí phát sinh do hoạt động chào bán cổ phiếu của doanh nghiệp không được đưa vào để tính thuế. Mặt khác, có thể hiểu quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp một cách linh hoạt hơn, theo đó, coi các chi phí do chào bán cổ phần là các chi phí thu hút vốn đầu tư mà vốn là yếu tố căn bản, khởi nguồn cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, do vậy, những chi phí huy động vốn phải là những chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Quan điểm này hoàn toàn có tính logic xét ở khía cạnh

khoa học về tài chính doanh nghiệp, về các yếu tố vốn và chi phí doanh nghiệp. Nếu luật thuế đưa thu nhập phát sinh từ hoạt động chào bán cổ phiếu của công ti cổ phần vào diện thu nhập chịu thuế như kiến nghị tại phần 1 của bài viết thì các chi phí liên quan đến hoạt động chào bán được trừ để tính thuế là điều hợp lí. Có thể lấy ví dụ tại Nghị định của Chính phủ số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/2/2007 hướng dẫn chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2003, thu nhập phát sinh từ hành vi chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất của doanh nghiệp được đưa vào thu nhập chịu thuế và gắn liền với nó là các chi phí liên quan đến hoạt động chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất như: chi phí về giá vốn, chi phí đền bù thiệt hại về đất, chi phí đền bù thiệt hại về hoa màu, chi phí cải tạo san lấp mặt bằng, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng... Điều này sẽ tạo ra tính công bằng trong việc tính thu nhập chịu thuế và các chi phí được trừ luôn phải gắn liền với thu nhập chịu thuế trong kì tính thuế.

Vậy, căn cứ xác định chi phí được trừ theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp trong trường hợp này được đặt ra như thế nào, bên cạnh đó là những điều kiện về chứng từ hoá đơn được giới hạn đến đâu, có xác định giới hạn tối đa đối với những chứng từ hoá đơn này hay không? Từ những băn khoăn trên đây, tác giả bài viết tạm đưa ra một vài kiến nghị về việc xác định chi phí được trừ đối với những chi phí gắn với hoạt động chào bán cổ phiếu của công ti cổ phần như sau:

Thứ nhất, các chi phí được trừ bao gồm: chi phí tư vấn phát hành, chi phí bảo lãnh

phát hành, chi phí phân phối cổ phiếu, chi phí kiểm toán, chi phí công bố thông tin và các chi phí khác liên quan đến hoạt động chào bán cổ phiếu.

Thứ hai, điều kiện đặt ra đối với các loại chi phí này là phải là những chi phí thực chi, phải có hoá đơn chứng từ đầy đủ.

Thứ ba, những chi phí này yêu cầu phải có xác nhận của các tổ chức liên quan, tổ chức tư vấn, bảo lãnh phát hành, ngân hàng nơi mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu của các nhà đầu tư...

3. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với công ty cổ phần chào bán cổ phiếu

Việc công ty cổ phần chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, mở rộng sản xuất kinh doanh là việc làm cần được khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi. Việc tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thu hút vốn đầu tư không chỉ thuộc về trách nhiệm của các cơ quan quản lý mà còn phụ thuộc vào hệ thống chính sách ưu đãi đầu tư đồng bộ trong đó có chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp. Trước đây, để khuyến khích công ty cổ phần niêm yết cổ phiếu tại trung tâm giao dịch chứng khoán, Bộ tài chính đã quy định: *"Các doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu lần đầu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong hai năm kể từ khi thực hiện niêm yết"*.⁽¹²⁾ Quy định này được đánh giá là chính sách thuế quan trọng hỗ trợ doanh nghiệp khi thực hiện niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán tập trung đồng thời thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán. Chính sách ưu đãi đặc biệt về thuế thu nhập doanh nghiệp này là động lực tích

cực khiến các doanh nghiệp tăng cường làm thủ tục niêm yết chứng khoán vào năm 2006. Tuy nhiên, ngày 08/9/2006 Bộ tài chính lại ra Công văn số 10997/BTC-CST về việc chấm dứt ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức niêm yết kể từ ngày 01/01/2007. Kể từ đó đến nay, các công ty cổ phần thực hiện hoạt động chào bán cổ phiếu hoặc niêm yết cổ phiếu đều không được hưởng bất kì ưu đãi nào về thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong các trường hợp ưu đãi thuế quy định tại điều 13, 14, 15, 16, 17 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008, không có trường hợp nào miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các công ty cổ phần thực hiện chào bán cổ phiếu. Có ý kiến cho rằng các công ty cổ phần chào bán cổ phiếu cũng cần được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp dựa trên những lí do sau đây:

Thứ nhất, chào bán cổ phiếu là hoạt động tạo vốn của doanh nghiệp. Khi quy mô vốn tăng lên đồng nghĩa với việc doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh. Trong nhiều trường hợp, sau khi doanh nghiệp có số vốn nhất định, doanh nghiệp sẽ kinh doanh trong những lĩnh vực đang được khuyến khích đầu tư hoặc mở rộng sản xuất, kinh doanh trên những địa bàn cần khuyến khích đầu tư. Do vậy, tuy không phải là doanh nghiệp mới hoạt động thì những công ty cổ phần thuộc loại nêu trên cũng rất cần được quan tâm, khuyến khích ưu đãi thuế.

Thứ hai, trong quá trình chào bán cổ phần, có khả năng công ty cổ phần chào bán không thành công, số vốn huy động không đạt được mức công ty đặt ra trong khi chi

phí chào bán đã phải trả. Những trường hợp như trên cũng cần có sự hỗ trợ một phần thông qua ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp ít nhất là trong năm chào bán cổ phần thất bại đó.

Thứ ba, khi doanh nghiệp chào bán cổ phần thành công, nguồn vốn huy động được tiếp tục đầu tư vào sản xuất kinh doanh, có thể coi như doanh nghiệp bắt đầu quy trình đầu tư mới. Quy trình đầu tư này cũng cần có sự bảo đảm, khuyến khích đầu tư và không gì thiết thực hơn là những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp. Ví dụ ưu đãi miễn giảm thuế trong những năm đầu sử dụng vốn huy động để đầu tư, ưu đãi mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho công ty cổ phần, ưu đãi liên quan đến vấn đề chuyển lỗ sang năm tính thuế tiếp theo trong trường hợp công ty thua lỗ...

Những lý do nêu trên xét ở góc độ nhất định cũng có tính thuyết phục. Mặc dù vậy, xét từ góc độ doanh nghiệp đã thu hút được một lượng vốn lớn khi chào bán cổ phần thành công, điều này đã tạo ra những lợi ích to lớn với doanh nghiệp trong tương quan so sánh với các kênh huy động vốn khác như tín dụng ngân hàng, tín dụng thương mại... Chào bán cổ phần với bản chất là tăng vốn sở hữu chủ của doanh nghiệp từ sự góp vốn của các cổ đông; cổ đông và doanh nghiệp cam kết cùng chia sẻ rủi ro, điều này không gây nên áp lực trả nợ đối với doanh nghiệp so với việc doanh nghiệp vay vốn ngân hàng, phát hành trái phiếu hay vay vốn của các doanh nghiệp hay các quỹ đầu tư khác. Mặt khác, thu hút vốn qua kênh chào bán cổ phần, doanh nghiệp cũng không phải cầm

cổ, thế chấp tài sản, không cần tính đến tiền trả lãi, các chi phí phát sinh và các thủ tục vay vốn phức tạp như vay vốn tại các kênh tín dụng khác. Hơn thế, tổng thu ròng trên tổng vốn huy động tạo ra lợi thế đáng kể cho doanh nghiệp khi tiến hành các hoạt động đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh. Với những lợi ích to lớn về vốn, về thu nhập như trên, liệu có nên đặt ra vấn đề ưu đãi thuế đối với công ty cổ phần chào bán cổ phiếu hay không?

Để đưa ra ý kiến hợp lý trong thời điểm nền kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam chưa thực sự phát triển ổn định và bền vững như hiện nay là vấn đề khó khăn, phức tạp, đòi hỏi sự cân nhắc, tính toán cụ thể từ phía doanh nghiệp và các nhà hoạch định chính sách trong từng giai đoạn nhất định. Việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với công ty cổ phần chào bán cổ phiếu có nên hay không vẫn còn là vấn đề gây tranh luận đòi hỏi những nghiên cứu ở quy mô và mức độ sâu, rộng hơn.

Có thể thấy rằng Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 đã có những thành công khi phân định đối tượng nộp thuế, thu nhập chịu thuế để thống nhất với Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật quản lý thuế. Hơn nữa, sự điều chỉnh thuế suất theo chiều hướng giảm từ 28% xuống còn 25% cùng với việc xóa bỏ các quy định về thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung với một số trường hợp nhất định sẽ có những tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng và đối với các hoạt động kinh tế vĩ mô nói chung. Mặc dù vậy, để tránh thất thu thuế cho Nhà nước

đồng thời đảm bảo các nguồn thu ngân sách hợp lý, chính xác, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 cần quy định cụ thể, rõ ràng hơn về thu nhập chịu thuế, theo đó bổ sung thêm một số thu nhập thuộc đối tượng chịu thuế mà điển hình là thu nhập phát sinh từ hoạt động chào bán cổ phiếu của các công ty cổ phần, quy định cụ thể hơn về các chi phí liên quan đến hoạt động chào bán cổ phần của công ty cổ phần có được trừ hay không được trừ khi tính thu nhập chịu thuế, xem xét bổ sung những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với những doanh nghiệp tiến hành chào bán cổ phiếu./.

- (1).Xem: Điều 10 Luật chứng khoán năm 2006.
- (2).Xem: Khoản 1 Điều 87 Luật doanh nghiệp năm 2005 ngày..
- (3).Xem: <http://www.reecorp.com>
- (4).Xem: <http://www.vnchannel.net>
- (5).Xem: Điều 7 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2003.
- (6).Xem: Điều 3 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008.
- (7).Xem: Bùi Thanh Lam, *Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 - Những điểm mới*, Thời báo kinh tế Sài Gòn Online ngày 30/6/2008.
- (8).Xem: Những điểm mới của luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2008, Sài Gòn Times ngày 10/7/2008.
- (9).Xem: Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần khu công nghiệp Tân Tạo tháng 4/2007.
- (10).Xem: Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần sách giáo dục tại thành phố Hà Nội, Trung tâm. giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 21/5/2008.
- (11).Xem: Khoản 1 Điều 9, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008.
- (12).Xem: Công văn số 11924/2004/CV-BTC về ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu.

THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NỘP THUẾ... (tiếp theo trang 12)

Tóm lại, thông tin về người nộp thuế là yêu cầu quan trọng của công tác quản lý thuế hiện đại, đảm bảo cho cơ quan quản lý thuế theo dõi, tổng hợp, phân tích, đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế. Trên cơ sở đó, cơ quan quản lý thuế tập trung vào quản lý các đối tượng có nhiều khả năng vi phạm pháp luật thuế, tránh thất thu ngân sách đồng thời giảm phiền hà cho đối tượng chấp hành tốt pháp luật thuế. Luật quản lý thuế quy định trách nhiệm cung cấp thông tin về người nộp thuế cho cơ quan quản lý thuế của các chủ thể là người nộp thuế, các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan. Đồng thời Luật quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin về người nộp thuế nhằm phục vụ cho công tác quản lý thuế. Ngoài ra, Luật quản lý thuế còn quy định về việc bảo mật thông tin về người nộp thuế và các trường hợp cơ quan quản lý thuế được công khai thông tin vi phạm pháp luật thuế của người nộp thuế. Tuy nhiên, còn một số vấn đề pháp lý liên quan đến thông tin về người nộp thuế chưa được làm rõ, chưa được quy định cụ thể, cần được tiếp tục nghiên cứu, xây dựng, bổ sung và hoàn thiện để làm sao ngành thuế Việt Nam có được cơ sở dữ liệu thông tin đầy đủ, chính xác về người nộp thuế nhằm kiểm soát được tất cả đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế; bảo đảm dự báo nhanh, chính xác số thu của ngân sách nhà nước; phát hiện và xử lý kịp thời các vướng mắc, vi phạm pháp luật về thuế; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế./.